

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH GPX Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: 29/23 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: XSR 155
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại):
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 20KXM/218499
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3325/NETC-M/20/C, ngày 14/01/2020

### 2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 134 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 306 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: G3J6E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 155,09 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 14,2kW/10000rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 số
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,833/ 1,875/ 1,364/ 1,143/ 0,957/0,840
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng:
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 110/70-17M/C, áp suất lốp: 225 kPa.
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 140/70-17M/C, áp suất lốp: 250 kPa.





2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h.

**3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu**

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/~~TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/~~.<sup>(1)</sup>

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,243 lít/100 km

**4. Mẫu nhãn năng lượng công khai**



**5. Ghi chú (nếu có):**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2021

Công ty TNHH GPX Việt Nam

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**LƯƠNG VĂN LONG**

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Gạch ngang phần không áp dụng.

<sup>(2)</sup> Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm